

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN HOÀN KIẾM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/2024/QĐST - DS

Hoàn Kiếm, ngày 23 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 90/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thảo thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (O)

Trụ sở: số 41 (tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của toà nhà) và số D đường L, Phường B, Quận A, TP .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T- chức vụ: chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy T1 - Giám Đốc phòng G.

Ông Nguyễn Duy T1 ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Duy H - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - RB

+ Ông Phan Lạc M - chuyên viên thu hồi nợ - RB

+ Ông Trần Văn T2 - chuyên viên thu hồi nợ - RB

Bị đơn: Chị Phạm Minh N, sinh năm 1972

Trú tại: Căn E, số G Dốc B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Hoàng Hải N1, sinh năm 2012

Người đại diện hợp pháp cho cháu Hoàng Hải N1: Chị Phạm Minh N, sinh năm 1972

Đều trú tại: Căn E, số G Dốc B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

2/ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ CỤ THỂ NHƯ SAU:

Chị Phạm Minh N ký các hợp đồng tín dụng số 0167/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 22/10/2020 và hợp đồng tín dụng số 0035/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 16/04/2022 với Ngân hàng TMCP P (O) để vay vốn, chi tiết như sau:

2.1 Hợp đồng tín dụng số: 0167/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 22/10/2020, số tiền vay: 700.000.000 (bảy trăm triệu đồng), mục đích vay: Vay mua trang thiết bị gia đình.

Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: 10,5%/năm cố định trong 03 tháng đầu. Từ tháng thứ 4 trở đi, áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần quy định tại Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Chị N đã trả được tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng trên là: 459.821.285 đồng (trong đó: nợ gốc là 362.812.771 đồng, nợ lãi là 97.008.514 đồng)

Tính đến ngày 15/05/2024 chị N còn nợ 475.530.290 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc : 337.187.229 đồng

+ Lãi trong hạn : 47.237.377 đồng

+ Lãi quá hạn : 91.105.684 đồng

2.2 Hợp đồng tín dụng số: 0035/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 16/04/2022

- Số tiền vay: 155.000.000 (một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

- Mục đích vay: Tiêu dùng.

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

- Lãi suất cho vay: 9%/năm cố định trong 06 tháng đầu. Từ tháng thứ 7 trở đi, áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần quy định tại Khế ước nhận nợ.

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Việc giải ngân được thực hiện thông qua các khế ước nhận nợ số 0167.01/2020/KUNN-OCB-CN ngày 26/10/2020 và Khế ước nhận nợ số 0035.01/2022/KUNN-OCB-CN ngày 19/04/2022.

Chị Phạm Minh N đã trả được tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng trên là: 21.877.252 đồng (trong đó nợ gốc là 15.499.998 đồng, nợ lãi là 6.377.254 đồng) tính đến ngày ngày 15/05/2024 chị N còn nợ là 174.733.160 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc : 139.500.002 đồng
- + Lãi trong hạn : 25.070.323 đồng
- + Lãi quá hạn : 10.162.835 đồng

Đối với 02 khoản nợ trên chị N đã trả được tổng số tiền là 481.698.537 đồng (trong đó trả nợ gốc là 378.312.769 đồng, trả nợ lãi là 103.385.768 đồng), còn nợ tính đến ngày 15.5.2024 là 650.263.450 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc : 476.687.231 đồng
- + Lãi trong hạn : 72.307.700 đồng
- + Lãi quá hạn : 101.268.519 đồng

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên: Căn hộ số 503B, số G Dốc B, phường C, quận H, thành phố H thuộc sở hữu của chị Phạm Minh N theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010535543300107, Hồ sơ gốc số: 1358/2007/QĐ do UBND Quận H, thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2007 đứng tên ông Nguyễn K và chị Đinh Thị H1. Ngày 24/12/2007 cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng sang tên chị Phạm Minh N. Tài sản bảo đảm đã được công chứng thể chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số công chứng 4369.2020/HĐTC; quyền số: 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2020 tại văn phòng C đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 23.10.2020 tại văn phòng Đ - chi nhánh K1 - H - Đ

Hai bên thống nhất thỏa thuận tính đến ngày 15.5.2024 chị N còn nợ ngân hàng TMCP P 650.263.450 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc : 476.687.231 đồng
- + Lãi trong hạn : 72.307.700 đồng
- + Lãi quá hạn : 101.268.519 đồng

Các bên thống nhất trả nợ theo lộ trình như sau:

- Ngày 10.6.2024 trả 2.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 10.7.2024 trả 2.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 10.8.2024 trả 2.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 10.9.2024 trả 2.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 10.10.2024 trả 2.000.000 đồng tiền gốc
- Ngày 10.11.2024 trả toàn bộ tiền gốc và lãi còn lại là 640.232.450 đồng, trong đó trong đó: Nợ gốc 466.687.231 đồng, lãi trong hạn 72.307.700 đồng, lãi quá hạn 101.268.519 đồng

Kể từ ngày 16.5.2024 chị N còn phải trả khoản tiền lãi theo như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng trên số tiền gốc còn nợ

Nếu chị Phạm Minh N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi

hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số công chứng: 4369.2020/HĐTC; Quyền số: 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2020 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng TMCP P là căn hộ chung cư số 503B, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010535543300107, Hồ sơ gốc số: 1358/2007/QĐ do UBND Quận H, Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2007 đứng tên ông Nguyễn K và bà Đinh Thị H1. Ngày 24/12/2007 cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng sang tên bà Phạm Minh N tại số G Dốc B, Phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của chị Phạm Minh N, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/10/2020.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của chị N, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của chị N để thu hồi nghĩa vụ còn lại của chị N tại ngân hàng TMCP P

Án phí: Chị Phạm Minh N nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 15.004.000 đồng. Số tiền 14.400.000 Ngân hàng TMCP P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006379 ngày 09.4.2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội được hoàn lại

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND quận Hoàn Kiếm;

- Tòa án NDTP Hà Nội;

- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;

- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Hương

